

BỘ TƯ PHÁP

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGUYỄN NHƯ HIỀN

XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ

Chuyên ngành: Luật Dân sự và Tố tụng dân sự

Mã số: 9380103

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội, 2026

Luận án được hoàn thành tại:  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS NGUYỄN THỊ THU HÀ**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường,  
hội tại Trường Đại học Luật Hà Nội vào hồi.... ngày... tháng.... năm 202..

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- 1) Thư viện Quốc gia
- 2) Thư viện Trường Đại học Luật Hà Nội

## PHẦN MỞ ĐẦU

### *1. Tính cấp thiết của đề tài*

Hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân luôn có vai trò then chốt trong việc bảo vệ công lý. Tuy nhiên, bản án, quyết định sơ thẩm dù được xây dựng dựa trên chứng cứ và căn cứ pháp lý, vẫn không thể loại trừ khả năng có sai lầm do nhận thức hoặc do quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ. Yêu cầu cải cách tư pháp đặt ra nhiệm vụ trọng tâm là hoàn thiện pháp luật tố tụng, trong đó xét xử phúc thẩm giúp kịp thời sửa chữa sai lầm của cấp sơ thẩm.

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung nhưng các quy định về xét xử phúc thẩm hiện hành vẫn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập, dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất trong thực tiễn xét xử. Thực tiễn thực hiện pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS cho thấy, xét xử phúc thẩm vẫn còn có những sai sót và bị khiếu nại để yêu cầu xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Hạn chế trong các quy định của pháp luật cùng với vướng mắc trong thực tiễn thực hiện pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS đòi hỏi phải hoàn thiện pháp luật TTDS về vấn đề này.

Bộ chính trị đặt ra nhiệm vụ trong Nghị quyết số 27/NQ-TW<sup>1</sup> và Nghị quyết số 66/NQ-TW<sup>2</sup> là: “Xây dựng chế định tố tụng tư pháp lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá; bảo đảm tố tụng tư pháp dân chủ, công bằng, văn minh, pháp quyền, hiện đại, nghiêm minh, dễ tiếp cận, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân”; “có hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, đồng bộ, thống nhất”; “hệ thống pháp luật chất lượng cao, hiện đại, tiệm cận chuẩn mực, thông lệ quốc tế tiên tiến và phù hợp với thực tiễn đất nước”... Đồng thời, phải khẩn trương xây dựng hành lang pháp lý để thực hiện thành công cuộc cách mạng về chuyển đổi số, tạo đột phá cho phát triển đất nước những năm tiếp theo. Do đó, hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự nói chung, pháp luật về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự nói riêng là yêu cầu cấp bách được Bộ Chính trị chỉ rõ, phải khẩn trương hoàn thành trong thời gian tới.

---

<sup>1</sup> Nghị quyết số 27/NQ-TW ngày 09/11/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới.

<sup>2</sup> Nghị quyết số 66/NQ-TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đặt ra mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

Trong bối cảnh trên, việc nghiên cứu chuyên sâu về xét xử phúc thẩm VADS là đòi hỏi cấp thiết để đề xuất các giải pháp đồng bộ hoàn thiện pháp luật, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. NCS nghiên cứu về lý luận, thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS để từ đó đưa ra các giải pháp pháp lý nhằm hoàn thiện pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS.

## ***2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài***

**\* Mục đích nghiên cứu đề tài:** Luận án luận giải những vấn đề lý luận về xét xử phúc thẩm VADS làm nền tảng cho việc đánh giá pháp luật thực định và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS dựa trên các lý thuyết, học thuyết và nội dung điều chỉnh của pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất các yêu cầu và kiến nghị hoàn thiện pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS.

### **\* Nhiệm vụ nghiên cứu đề tài:**

- Phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận về xét xử phúc thẩm VADS
- Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS, chỉ ra các tồn tại, hạn chế trong các quy định này về xét xử phúc thẩm VADS;
- Phân tích, đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS, chỉ ra các vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thực hiện và những nguyên nhân của những vướng mắc, bất cập đó.
- Làm rõ các yêu cầu và đề xuất, kiến nghị các giải pháp pháp lý nhằm hoàn thiện pháp luật TTDS xét xử phúc thẩm VADS.

## ***3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài***

**\* Đối tượng nghiên cứu của đề tài** là những vấn đề lý luận, các lý thuyết, học thuyết về xét xử phúc thẩm VADS; thực trạng pháp luật TTDS Việt Nam và thực tiễn thực hiện pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS trong những năm gần đây.

### **\* Phạm vi nghiên cứu đề tài:**

- Về nội dung: Trong phạm vi của luận án, NCS tập trung nghiên cứu các nội dung sau: phạm vi xét xử phúc thẩm VADS; phiên toà phúc thẩm VADS; quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS đối với những VADS giải quyết theo thủ tục tố tụng thông thường. Không nghiên cứu những VADS giải quyết theo thủ tục rút gọn.

- Về không gian: Luận án nghiên cứu xét xử phúc thẩm VADS trên lãnh thổ Việt Nam, có tham khảo kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới.

- Về thời gian: Luận án tập trung nghiên cứu thực tiễn xét xử các VADS từ năm 2015 đến nay.

#### ***4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu đề tài***

\* **Phương pháp luận:** sử dụng là phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN.

\* **Phương pháp nghiên cứu:** Phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp so sánh; phương pháp lịch sử cụ thể; phương pháp thống kê và vụ việc điển hình ...

#### ***5. Ý nghĩa khoa học của đề tài***

Luận án luận giải khái niệm khoa học, các học thuyết, lý thuyết làm nền tảng cho việc xây dựng các quy định về xét xử phúc thẩm VADS. Trên cơ sở nghiên cứu các lý thuyết, luận cứ khoa học về xét xử phúc thẩm VADS cũng như thực tiễn xét xử phúc thẩm VADS ở Việt Nam, luận án đã góp phần hoàn thiện hơn nữa hệ thống lý luận khoa học về xét xử phúc thẩm VADS. Những vấn đề lý luận này là nền tảng để đánh giá thực trạng pháp luật TTDS và thực tiễn thi hành pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS làm định hướng cho việc kiến nghị hoàn thiện pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS.

## **TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU**

### ***1. Những vấn đề nghiên cứu đã được thống nhất và được kế thừa trong luận án***

Thứ nhất, hệ thống các học thuyết lý thuyết, các quan điểm và một số vấn đề lý luận về phúc thẩm VADS như khái niệm và bản chất, mục đích và ý nghĩa của phúc thẩm VADS, các nguyên tắc cơ bản của phúc thẩm VADS.

Thứ hai, các phân tích về pháp luật của một số quốc gia theo truyền thống pháp luật án lệ và truyền thống pháp luật dân sự về phúc thẩm VADS.

Thứ ba, một số đánh giá về quy định pháp luật TTDS Việt Nam hiện hành về xét xử phúc thẩm VADS.

Thứ tư, một số luận giải về yêu cầu và giải pháp hoàn thiện pháp luật cũng như đảm bảo áp dụng thống nhất quy định pháp luật về phúc thẩm VADS.

### ***2. Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu***

Thứ nhất, hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về xét xử phúc thẩm VADS gồm: khái niệm, đặc điểm đặc trưng riêng biệt của xét xử phúc thẩm VADS, ý nghĩa của xét xử phúc thẩm VADS.

Thứ hai, cơ sở khoa học của việc xây dựng pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS; luận giải những nội dung điều chỉnh pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS.

Thứ ba, phân tích các hạn chế, bất cập trong quy định pháp luật Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS. Tìm hiểu thực tiễn xét xử phúc thẩm VADS và những vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn thực hiện các quy định trên. Luận giải sâu về phạm vi xét xử phúc thẩm, phiên tòa phúc thẩm, quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS.

Thứ tư, nghiên cứu về yêu cầu hoàn thiện pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS để đáp ứng mục tiêu cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN trong kỷ nguyên mới.

Thứ năm, hoàn thiện pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS đồng bộ với quy định của pháp luật có liên quan, đồng thời, việc hoàn thiện pháp luật phải đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đảm bảo phán quyết của HĐXX phúc thẩm đúng pháp luật, có căn cứ và hợp pháp.

# PHẦN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

## CHƯƠNG 1

### NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ

Chương 1 của Luận án tập trung làm rõ những vấn đề lý luận nền tảng về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự (VADS), bao gồm khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của xét xử phúc thẩm VADS; cơ sở khoa học để xây dựng pháp luật và nội dung điều chỉnh pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS.

#### **1.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của xét xử phúc thẩm vụ án dân sự**

##### ***1.1.1. Khái niệm xét xử phúc thẩm vụ án dân sự***

\* Quan điểm về phúc thẩm trên thế giới:

- Theo truyền thống pháp luật dân sự (Civil Law): Phúc thẩm VADS thường xem xét lại cả sự kiện và pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm tổ chức một phiên xét xử mới, được coi là cấp xét xử thứ hai chứ không chỉ xem xét các sai sót trong áp dụng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm có thể xem xét chứng cứ mới, có thể ban hành bản án mới.

- Theo truyền thống pháp luật án lệ (Common Law): Phúc thẩm VADS không được coi là “xét xử lần thứ hai”. XXPT chỉ xem xét lại việc áp dụng pháp luật; gần như không xem xét lại sự kiện hay chứng cứ mới và không có quyền thay thế bản án sơ thẩm bằng bản án mới.

\* Đa phần các công trình khoa học chỉ tập trung nghiên cứu về khái niệm phúc thẩm VADS, khái niệm kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, rất ít những công trình khoa học nghiên cứu chuyên sâu và có hệ thống về xét xử phúc thẩm VADS. NCS phân biệt rõ hai khái niệm này:

- Phúc thẩm VADS: Là một quá trình bắt đầu từ khi có kháng cáo/kháng nghị và kết thúc khi HĐXX phúc thẩm ra bản án/quyết định, bao gồm các giai đoạn: kháng cáo/kháng nghị, chuẩn bị xét xử phúc thẩm và xét xử phúc thẩm.

- Xét xử phúc thẩm VADS: Là một trong các hoạt động của phúc thẩm VADS, được xác định từ khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và kết thúc khi HĐXX phúc thẩm ra bản án/quyết định phúc thẩm. Luận án chỉ nghiên cứu về các nội dung: phạm vi xét xử phúc thẩm, phiên tòa phúc thẩm và quyền hạn của HĐXX phúc thẩm.

Luận án đã xây dựng khái niệm xét xử phúc thẩm VADS dưới nhiều góc độ khác nhau như một hoạt động tố tụng, một thủ tục tố tụng và hệ thống các quy định của pháp luật TTDS.

***Dưới góc độ là hoạt động tố tụng***, xét xử phúc thẩm VADS là hoạt động tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm được thực hiện từ thời điểm Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và kết thúc khi Tòa án ra bản án, quyết định phúc thẩm, theo đó Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại VADS mà một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục TTDS nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, lợi ích Nhà nước, lợi ích công cộng và bản án, quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

***Dưới góc độ là một thủ tục tố tụng*** thì thủ tục xét xử phúc thẩm là trình tự, cách thức để Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại VADS mà một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, lợi ích Nhà nước, lợi ích công cộng và bản án, quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

***Dưới góc độ là một hệ thống quy phạm pháp luật***, hệ thống quy phạm pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS là tổng thể các quy định pháp luật điều chỉnh quan hệ phát sinh giữa các chủ thể trong quá trình Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại VADS mà một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, bảo vệ lợi ích Nhà nước, lợi ích công cộng.

### ***1.1.2. Đặc điểm của xét xử phúc thẩm vụ án dân sự***

Xét xử phúc thẩm VADS có những đặc điểm chung của phúc thẩm VADS, đó là: (i) cơ sở để tiến hành xét xử phúc thẩm VADS dựa trên kháng cáo, kháng nghị hợp lệ đối với một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; (ii) đối tượng của xét xử phúc thẩm là VADS mà một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật trên cơ sở có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm; (iii) chủ thể có quyền tiến hành xét xử phúc thẩm VADS là Tòa án cấp phúc thẩm (cụ thể là các



thẩm phán); (iv) mục đích của xét xử phúc thẩm VADS là khắc phục những sai lầm, thiếu sót trong bản án, quyết định sơ thẩm qua đó bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, lợi ích Nhà nước, lợi ích công cộng cũng như đảm bảo áp dụng thống nhất pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án.

Xét xử phúc thẩm VADS có những đặc điểm riêng phân biệt với xét xử sơ thẩm và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm VADS, đó là về:

- Xét xử phúc thẩm là xét xử lại VADS trong phạm vi kháng cáo, kháng nghị đối với phần bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật hoặc có liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị.

- Xét xử phúc thẩm VADS được thực hiện công khai với sự tham gia của các chủ thể kháng cáo, kháng nghị, những người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

- Khi tiến hành xét xử phúc thẩm VADS, HĐXX có thể ra phán quyết mới về nội dung vụ án để sửa chữa, khắc phục những sai sót trong bản án sơ thẩm.

### ***1.1.3. Ý nghĩa của xét xử phúc thẩm vụ án dân sự***

Xét xử phúc thẩm VADS có ý nghĩa sâu sắc trên cả phương diện pháp lý, chính trị và xã hội.

#### ***1.1.3.1. Về phương diện pháp lý***

Thứ nhất, xét xử phúc thẩm VADS kịp thời phát hiện và khắc phục, sửa chữa những sai lầm có thể có trong bản án, quyết định sơ thẩm, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể. Thứ hai, xét xử phúc thẩm VADS đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử, đảm bảo việc xét xử của Tòa án được công bằng, đúng quy định pháp luật. Thứ ba, xét xử phúc thẩm VADS có ý nghĩa trong việc bảo vệ và hoàn thiện pháp luật; góp phần giải thích pháp luật để áp dụng thống nhất pháp luật.

#### ***1.1.3.2. Về phương diện chính trị, xã hội***

Thứ nhất, xét xử phúc thẩm VADS góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức cá nhân. Thứ hai, góp phần đáp ứng những yêu cầu của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Từ đó củng cố niềm tin của nhân dân đối với ngành tư pháp nói riêng và Nhà nước nói chung.

## **1.2. Cơ sở khoa học của việc xây dựng pháp luật về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự**

Việc xây dựng pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS phải dựa trên các lý thuyết và học thuyết khoa học đã được thừa nhận rộng rãi trên thế giới:

**Thứ nhất, lý thuyết về tiếp cận công lý**, gồm 7 góc độ: (1) Công lý nội dung: Đảm bảo kết quả phán quyết công bằng, khách quan. (2) Công lý thủ tục: Đòi hỏi quy trình đưa ra phán quyết cũng phải công bằng. (3) Công lý mở: Yêu cầu mọi hoạt động của Tòa án phải công khai, minh bạch, chịu sự giám sát của xã hội. (4) Công lý bình đẳng: Bảo đảm mọi cá nhân, tổ chức, kể cả bên yếu thế, đều có thể tiếp cận pháp luật, tiếp cận Tòa án. (5) Công lý tương xứng: Chi phí, thời gian, mức độ tranh tụng của vụ án phải tương xứng với tính chất, quy mô vụ án. (6) Công lý có thể thực thi: Phán quyết của Tòa án phải có hiệu lực pháp lý và có thể được cưỡng chế thi hành. (7) Công lý bền vững: Hệ thống Tòa án phải ổn định, đáng tin cậy, hiện đại để đáp ứng sự biến đổi xã hội.

Lý thuyết này đặt nền tảng cho phúc thẩm: (i) cho phép đương sự kháng cáo khi bản án sơ thẩm chưa công bằng; (ii) đòi hỏi xét xử phúc thẩm phải công khai, minh bạch, công bằng; (iii) yêu cầu thẩm phán có trình độ cao.

**Thứ hai, lý thuyết về xét xử công bằng**: Xét xử công bằng đòi hỏi sự độc lập của Tòa án và một thủ tục công bằng. Các chủ thể có liên quan đến vụ án phải được đảm bảo: quyền được thông báo hợp lý, quyền tham gia phiên tòa, quyền được xét xử bằng lời và công khai, quyền được lắng nghe và tranh tụng, quyền được xét xử bởi Tòa án vô tư, quyền được xét xử chỉ căn cứ trên chứng cứ của vụ án, quyền được có người bảo vệ quyền lợi hợp pháp, quyền được xét xử trong thời gian hợp lý, quyền không bị xem xét lại bản án chung thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

**Thứ ba, học thuyết về tự do ý chí** thể hiện ở nguyên tắc tự định đoạt của đương sự. Nguyên tắc này chi phối xét xử phúc thẩm: (i) đương sự có quyền kháng cáo, thay đổi, bổ sung hoặc rút kháng cáo; (ii) Tòa án phúc thẩm chỉ xét xử trong phạm vi kháng cáo, kháng nghị và những nội dung liên quan; (iii) các thỏa thuận của đương sự được công nhận nếu được xác lập tự nguyện, thiện chí, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

### **1.3. Nội dung điều chỉnh của pháp luật dân sự về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự**

Luận án tập trung nghiên cứu các nội dung cốt lõi của pháp luật điều chỉnh xét xử phúc thẩm VADS về:

#### ***1.3.1. Phạm vi xét xử phúc thẩm vụ án dân sự***

Toà án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án, quyết định sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị và những vấn đề có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị.

#### ***1.3.2. Phiên toà phúc thẩm vụ án dân sự***

##### ***1.3.2.1. Phiên toà phúc thẩm trực tiếp***

Về bản chất, phiên toà phúc thẩm VADS là phiên tòa xét xử một vụ án mà bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị theo nguyên tắc và trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Những người tham gia tố tụng là đương sự có liên quan đến giải quyết kháng cáo, kháng nghị. HĐXX điều khiển tranh tụng về kháng cáo, kháng nghị, chứng cứ và căn cứ pháp lý. Tòa án cấp phúc thẩm ra phán quyết về tính hợp pháp, tính có căn cứ của bản án, quyết định sơ thẩm căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

HĐXX phúc thẩm được xem xét lại chứng cứ (sự kiện pháp lý) và việc áp dụng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm trên cơ sở kháng cáo, kháng nghị. Trình tự, thủ tục tiến hành phiên tòa phúc thẩm bao gồm: bắt đầu phiên tòa, tranh tụng (trình bày nội dung bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo, kháng nghị và các căn cứ của việc kháng cáo, kháng nghị; xuất trình chứng cứ mới và trình bày lý do của việc có chứng cứ mới; hỏi; tranh luận về kháng cáo, kháng nghị); nghị án và tuyên án.

Việc rút yêu cầu, thay đổi/bổ sung kháng cáo/kháng nghị, thỏa thuận của đương sự được xem xét ở phần thủ tục bắt đầu phiên tòa nhằm giới hạn phạm vi tranh tụng. HĐXX phúc thẩm đưa ra phán quyết dựa trên kết quả tranh tụng và đánh giá chứng cứ.

##### ***1.3.2.2. Phiên toà phúc thẩm trực tuyến***

Các quốc gia trên thế giới đều thực hiện ứng dụng công nghệ trong giải quyết các VADS tại Tòa án. Theo đó, có quy định về phạm vi các VADS được giải quyết theo thủ tục tố tụng trực tuyến; nguyên tắc khi giải quyết VADS theo tố tụng trực tuyến; thủ tục tố tụng. Phiên tòa trực tuyến với phòng xử án được bố trí phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng, được trang bị thiết bị ghi âm, ghi hình, màn hình tivi,

máy vi tính, mạng internet, mạng truyền hình trực tuyến và các thiết bị khác phục vụ cho hoạt động xét xử. Thông qua các thiết bị trực tuyến được thiết lập, liên kết với internet và vận hành bởi một phần mềm ứng dụng mà những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng không cần phải tập trung tại một phòng xử án của tòa án như thường lệ.

Xét xử trực tuyến là nhu cầu và xu hướng phát triển của hoạt động tư pháp của Việt Nam. Phạm vi các VADS được giải quyết theo thủ tục trực tuyến là vụ án có tính chất đơn giản, chứng cứ, tài liệu rõ ràng, giá trị tranh chấp nhỏ; các điều kiện về kỹ thuật, vật chất để tổ chức phiên tòa trực tuyến; khi tổ chức phiên tòa phúc thẩm trực tuyến phải đảm bảo các nguyên tắc như khi xét xử trực tiếp.

### ***1.3.3. Quyền hạn của hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án dân sự***

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm: khi bản án sơ thẩm có căn cứ, hợp pháp và kháng cáo, kháng nghị không có cơ sở.

- Sửa bản án sơ thẩm: Khi Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót trong áp dụng pháp luật nội dung hoặc sai sót về thủ tục nhưng không nghiêm trọng.

- Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm xét xử lại: Khi có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, hoặc khi việc thu thập chứng cứ sơ thẩm chưa đầy đủ và không thể bổ sung được ở cấp phúc thẩm.

- Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án: Khi vụ án thuộc một trong các trường hợp phải đình chỉ giải quyết (Điều 217 BLTTDS 2015).

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm và công nhận bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Tóm lại, Chương 1 đã xây dựng hệ thống lý luận vững chắc, xác định rõ ràng khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của xét xử phúc thẩm VADS, đồng thời phân tích cơ sở khoa học từ các học thuyết về xét xử phúc thẩm VADS tại các quốc gia trên thế giới, xây dựng nội dung điều chỉnh pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS, tạo tiền đề cho việc đánh giá thực trạng pháp luật và đề xuất kiến nghị hoàn thiện ở các chương tiếp theo.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM VỀ XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN

Chương 2 của luận án tập trung vào hai nội dung chính: phân tích thực trạng các quy định pháp luật tổ tụng dân sự (TTDS) Việt Nam về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự (VADS) và đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định này, qua đó chỉ ra những kết quả đạt được, các vướng mắc, bất cập còn tồn tại và nguyên nhân của những tồn tại này.

#### **2.1. Thực trạng pháp luật tổ tụng dân sự Việt Nam từ phạm vi xét xử vụ án dân sự và thực tiễn thực hiện**

Theo quy định tại Điều 293 BLTTDS: Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét những phần bản án, quyết định sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị. Những vấn đề chưa được xem xét giải quyết ở sơ thẩm và không nằm trong nội dung kháng cáo, kháng nghị hoặc không liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị thì Tòa án cấp phúc thẩm không giải quyết. “Có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị” có thể là một phần nội dung của bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị hoặc là phần thủ tục tổ tụng của Tòa án cấp sơ thẩm.

Trường hợp đương sự chỉ kháng cáo về phần áp dụng pháp luật nội dung, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tổ tụng thì Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cả vi phạm về thủ tục tổ tụng của Tòa án cấp sơ thẩm. Việc xem xét vi phạm về tổ tụng là “có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị”.

Ví dụ vụ án “tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung vợ chồng”, bị đơn chỉ kháng cáo phần chia tài sản. Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm tổ tụng nghiêm trọng trong phần giải quyết quan hệ hôn nhân, dẫn đến quyết định cho ly hôn là chưa đủ căn cứ. Khi đó, phần ly hôn của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật và việc Tòa án cấp phúc thẩm xem xét thủ tục tổ tụng ở phần quan hệ hôn nhân có thể làm thay đổi hoàn toàn phán quyết trong bản án phúc thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm cần xem xét cả phần quan hệ hôn nhân theo diện “có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo”.

Ví dụ vụ án “tranh chấp chia thừa kế”. Tòa án cấp sơ thẩm xử chia thừa kế cho 8 người thừa kế. Bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận cho bị đơn (2 người thừa kế) được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất chia cho 8 người thừa kế. Các đương sự còn lại không ai kháng cáo. VKS không

kháng nghị. Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng nghiêm trọng khi tổng đạt bằng cách niêm yết văn bản tố tụng cho 4 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có quyền thừa kế), tuy nhiên các đương sự trình bày 4 người liên quan đang sinh sống tại Thái Lan, không rõ địa chỉ. Như vậy, bị đơn chỉ kháng cáo về nội dung vụ án, các đương sự và VKS cũng không ai có ý kiến về việc Tòa án niêm yết, giải quyết vắng mặt đối với 4 người liên quan. Tuy nhiên nếu Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét vi phạm về thủ tục tố tụng nói trên thì sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của 4 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan này. Do đó, HĐXX phúc thẩm cần xem xét cả thủ tục tố tụng giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm.

## **2.2. Thực trạng pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về phiên tòa phúc thẩm vụ án dân sự và thực tiễn thực hiện**

### ***2.2.1. Thực trạng pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về những quy định chung về phiên tòa phúc thẩm vụ án dân sự và thực tiễn thực hiện***

- Trách nhiệm thu thập chứng cứ của TAND:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật tổ chức TAND năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì các bên thu thập, cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án; Tòa án hướng dẫn các bên liên quan thu thập chứng cứ; Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ bằng việc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ trong trường hợp các bên đã thực hiện các biện pháp cần thiết nhưng không thu thập được tài liệu, chứng cứ và đề nghị Tòa án hỗ trợ. Điều 70 BLTTDS năm 2015 quy định: nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh là của đương sự. Tuy nhiên trên thực tế, TAND vẫn thực hiện trách nhiệm thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 97 BLTTDS năm 2015.

Trường hợp BLTTDS năm 2015 sửa đổi quy định trách nhiệm thu thập chứng cứ như Luật tổ chức TAND năm 2024 thì cần đồng thời giải quyết vấn đề phán quyết của HĐXX (sơ thẩm, phúc thẩm) khi chứng cứ do các bên đương sự cung cấp chưa đủ căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Mặt khác, cần quy định rõ trách nhiệm hướng dẫn đương sự thu thập chứng cứ tại khoản 2 Điều 15 Luật Tổ chức TAND để nâng cao khả năng tự thu thập chứng cứ của đương sự, đảm bảo chứng cứ do các bên thu thập đủ căn cứ để Tòa án đưa ra phán quyết và hạn chế tối đa lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm về thu thập chứng cứ - hiện tại đây là lỗi rất phổ biến dẫn đến bản án, quyết định sơ thẩm bị hủy, sửa.

BLTTDS vẫn phải quy định cụ thể trách nhiệm của Tòa án khi thu thập chứng cứ vì có những biện pháp thu thập chứng cứ chỉ có thể do Tòa án thực hiện như xem xét,

thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, trưng cầu giám định, đối chất, lấy lời khai... Trong trường hợp có thiếu sót trong thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm thì Tòa án cấp phúc thẩm vẫn áp dụng quy định về hủy án, sửa bản án sơ thẩm.

- Người tham gia phiên tòa: Điều 294, 296 BLTTDS quy định thiếu người đại diện của đương sự tham gia phiên tòa phúc thẩm. BLTTDS không quy định trường hợp người đại diện theo ủy quyền của đương sự vắng mặt lần thứ nhất nhưng đương sự (người ủy quyền) có mặt thì có phải hoãn phiên tòa hay không, điều này cho HĐXX tùy nghi quyết định dựa trên từng tình huống cụ thể.

- Tạm ngừng phiên tòa: Điều 304, Điều 259 BLTTDS 2015 chưa quy định rõ thủ tục sau khi tạm ngừng phiên tòa, sẽ tiếp tục thủ tục từ thời điểm tạm ngừng hay mở lại từ đầu như sau khi hoãn phiên tòa. NCS cho rằng nên tiếp tục thực hiện từ thời điểm phiên tòa tạm ngừng.

Trường hợp tại phiên tòa tiếp tục sau tạm ngừng, người kháng cáo, đương sự không kháng cáo vắng mặt không có lý do chính đáng thì HĐXX cần phải tiếp tục xét xử và tuyên bản án phúc thẩm.

### ***2.2.2. Thực trạng pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về thủ tục tiến hành phiên tòa phúc thẩm vụ án dân sự và thực tiễn thực hiện***

- Rút đơn khởi kiện tại phiên tòa:

Điều 299 BLTTDS quy định nguyên đơn rút đơn khởi kiện chỉ cần sự đồng ý của bị đơn là bất cập khi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người kháng cáo) không đồng ý, dẫn đến mâu thuẫn giữa quyền tự định đoạt của nguyên đơn và quyền kháng cáo của đương sự khác. Quan điểm của NCS: việc rút đơn khởi kiện cần hỏi ý kiến của tất cả các đương sự có liên quan và không được chấp nhận nếu ảnh hưởng đến phần bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

Điều 299 BLTTDS chưa có quy định về hậu quả pháp lý khi bị đơn rút yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan rút yêu cầu độc lập hoặc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu của mình của mình ở giai đoạn phúc thẩm.

- Rút yêu cầu đối với phần bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật:

Việc rút yêu cầu của các đương sự khi được các đương sự khác đồng ý chỉ đối với những phần bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật. Đối với phần bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật thì các bên có thể tiếp tục thực hiện quyền tự định đoạt của mình ở giai đoạn thi hành án.

- Thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị:

Điều 284 BLTTDS chưa xác định rõ thế nào là “không vượt quá phạm vi KCKN ban đầu”. Quan điểm của NCS: không được vượt quá phạm vi các quan hệ pháp luật đã giải quyết ở Tòa án cấp sơ thẩm; cũng như không phải triệu tập thêm những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến giải quyết kháng cáo, kháng nghị được thay đổi, bổ sung.

- Việc thỏa thuận của đương sự ở phiên tòa phúc thẩm:

Điều 300 BLTTDS chưa quy định trường hợp thỏa thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ; chưa quy định phạm vi thỏa thuận so với phạm vi xét xử phúc thẩm. Quan điểm của NCS: thỏa thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ sẽ không được công nhận; phạm vi thỏa thuận tối đa bằng phạm vi xét xử phúc thẩm.

- Cung cấp chứng cứ mới tại phiên tòa phúc thẩm: Điều 287 BLTTDS chưa quy định việc cung cấp chứng cứ trong giai đoạn xét xử phúc thẩm; chưa quy định thế nào là “có lý do chính đáng”. NCS cho rằng phải chứng minh được nguyên nhân chậm nộp là sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; phải xác định theo trách nhiệm cung cấp chứng cứ của đương sự.

Cần đảm bảo tranh tụng đối với chứng cứ mới: Khi chứng cứ mới được HĐXX chấp nhận thì các bên phải được tranh tụng về chứng cứ mới. Trường hợp việc tiếp cận chứng cứ và tranh tụng về chứng cứ mới có thể thực hiện ngay tại phiên tòa thì không cần tạm ngừng phiên tòa. Trường hợp cần thiết, HĐXX có thể tạm ngừng phiên tòa cho các bên tiếp cận chứng cứ và chuẩn bị tranh tụng về chứng cứ đó. Trường hợp này chưa được quy định là căn cứ tạm ngừng phiên tòa tại Điều 259 BLTTDS.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Điều 306 BLTTDS chỉ quy định Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng, không quy định phát biểu về nội dung vụ án là thiếu sót so với quy định tại cấp sơ thẩm (Điều 262 BLTTDS). Thực tế, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và TAND tối cao phải ban hành Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC để khắc phục thiếu sót này. Quan điểm của NCS: cần thiết phải sửa Điều 306 BLTTDS theo hướng quy định Kiểm sát viên phát biểu cả việc tuân theo pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung như tại phiên tòa sơ thẩm. Việc Kiểm sát viên phát biểu về nội dung vụ án không ảnh hưởng đến nguyên tắc xét xử độc lập của HĐXX.

### ***2.2.3. Thực trạng pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về phiên tòa phúc thẩm trực tuyến và thực tiễn thực hiện***

Việc tổ chức phiên tòa trực tuyến là xu hướng tất yếu của hoạt động tư pháp; phù hợp với chủ trương của Đảng về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Tòa án. Cơ sở pháp lý của xét xử trực tuyến là Nghị quyết số 33/2021/QH15<sup>3</sup> và Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP-BQP<sup>4</sup> về tổ chức phiên tòa trực tuyến. Quy định về phiên tòa trực tuyến vẫn còn một số hạn chế sau:

<sup>3</sup> Nghị quyết số 33/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về tổ chức phiên tòa trực tuyến.

<sup>4</sup> Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP-BQP ngày 15/12/2021 của TAND tối cao, VKSND tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng về hướng dẫn thi hành tổ chức phiên tòa trực tuyến.



Thứ nhất, quy định chung về thành phần tham gia, yêu cầu khi tham gia phiên tòa trực tuyến, phối hợp chuẩn bị phiên tòa trực tuyến, trình tự, thủ tục tại phiên tòa trực tuyến, xử lý tình huống xảy ra tại phiên tòa đối với phiên tòa dân sự, hình sự, hành chính. Trong khi phiên tòa dân sự có tính chất khác biệt hơn so với phiên tòa hình sự hay phiên tòa hành chính.

Thứ hai, chưa quy định thế nào là “những vụ án có tính tiết, tính chất đơn giản, tài liệu chứng cứ rõ ràng” để Thẩm phán xác định vụ án có thuộc phạm vi xét xử trực tuyến hay không.

Thứ ba, quy định bảo vệ bí mật thông tin còn chung chung, chưa có nội dung hướng dẫn về hệ thống đường truyền khi xét xử trực tuyến để bảo mật thông tin, tránh hacker đột nhập, lấy cắp thông tin nhằm gây cản trở, gián đoạn quá trình xét xử.

*Về thực tiễn tổ chức phiên tòa trực tuyến:* Để có thể triển khai thực hiện ngay việc xét xử trực tuyến, TANDTC đưa xét xử trực tuyến là một tiêu chí bắt buộc khi bình xét thi đua và yêu cầu đến ngày 30/9/2022, mỗi đơn vị TAND phải xét xử ít nhất 3 phiên tòa trực tuyến. Ngay trong năm 2022 đã có tổng cộng 622 Tòa án (03 TAND cấp cao; 62 TAND cấp tỉnh và 557 TAND cấp huyện) tổ chức xét xử trực tuyến 3.614 vụ án. Trong năm 2023, TANDTC đẩy mạnh xét xử trực tuyến với mục tiêu tất cả các đơn vị TAND đều tổ chức xét xử trực tuyến ít nhất 01 phiên tòa. Năm 2024 TAND cả nước đã tổ chức thành công hơn 9.300 phiên tòa trực tuyến<sup>5</sup> (tăng gần 10% so với năm 2023). Năm 2025, TAND cả nước đã xét xử 16.383 phiên tòa trực tuyến<sup>6</sup>, tăng 75% so với năm 2024.

Tuy nhiên, việc tổ chức phiên tòa trực tuyến gặp phải một số khó khăn về bố trí kinh phí đầu tư trang thiết bị cho xét xử trực tuyến, nhiều Tòa án chưa được trang bị máy móc hiện đại phục vụ cho việc xét xử trực tuyến, phải tận dụng các thiết bị sẵn có hoặc thuê mượn, gây ảnh hưởng đến chất lượng phiên tòa; về đảm bảo tranh tụng trong phiên tòa trực tuyến không bị gián đoạn, không có sự cố kỹ thuật; về đảm bảo chứng cứ và tài liệu liên quan đều được lưu trữ, bảo vệ và quản lý theo đúng quy định pháp luật; đa số các TAND khu vực không có cán bộ tin học để xử lý kỹ thuật trong quá trình xét xử trực tuyến.

<sup>5</sup> TANDTC (2024), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2025 của các Tòa án*, Hà Nội, tr. 16, nguồn: <https://www.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tatc/tailieuhoinghi2025>, truy cập ngày 13/6/2025.

<sup>6</sup> TANDTC (2025), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2025 của TANDTC tại Hội nghị triển khai công tác Tòa án năm 2026* ngày 24/11/2025.

## **2.3. Thực trạng pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về quyền hạn của hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án dân sự và thực tiễn thực hiện**

### **2.3.1 Quyền giữ nguyên bản án sơ thẩm**

BLTTDS năm 2015 chỉ quy định về quyền giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm mà chưa có hướng dẫn cụ thể về căn cứ giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm dẫn đến Tòa án cấp phúc thẩm không thống nhất trong việc ra bản án phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm hay ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm do kháng cáo, kháng nghị không hợp lệ.

### **2.3.2. Quyền sửa bản án sơ thẩm**

Về căn cứ sửa bản án sơ thẩm:

Thứ nhất, khi việc chứng minh và thu thập chứng cứ đã thực hiện đầy đủ, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ có sai sót trong việc áp dụng pháp luật nội dung để giải quyết vụ án; hoặc Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót trong việc áp dụng pháp luật tố tụng nhưng sai sót này chưa đến mức nghiêm trọng, chưa dẫn đến phải hủy bản án sơ thẩm hoặc hủy một phần bản án sơ thẩm.

Thứ hai, khi việc chứng minh và thu thập chứng cứ chưa thực hiện đầy đủ ở cấp sơ thẩm dẫn đến Tòa án cấp sơ thẩm phán quyết không đúng về nội dung vụ án nhưng đã khắc phục được ở cấp phúc thẩm. Điều 309 BLTTDS không quy định trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không đúng pháp luật và có sai sót trong nhận định hoặc có vi phạm pháp luật tố tụng nhưng chưa nghiêm trọng đến mức phải hủy bản án sơ thẩm. NCS cho rằng HĐXX có thể sửa bản án và cần nhận xét cả những sai sót, vi phạm này để Tòa án sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Thứ ba, Điều 309 BLTTDS không quy định trường hợp đương sự chỉ kháng cáo phần nhận định, không kháng cáo phần quyết định và nội dung kháng cáo có căn cứ. Trường hợp này HĐXX phúc thẩm cần sửa phần nhận định của bản án sơ thẩm.

### **2.3.3. Quyền hủy bản án sơ thẩm, hủy một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm**

Điều 310 BLTTDS không quy định trường hợp “vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự”. NCS cho rằng đó là khi vi phạm này dẫn đến thay đổi quyền, nghĩa vụ của đương sự trong quyết định của bản án xét xử lại.

### **2.3.4. Quyền hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án**

Điều 311 BLTTDS chưa quy định trường hợp căn cứ đình chỉ ở Điều 217 BLTTDS xuất hiện ở giai đoạn phúc thẩm thì Tòa án cấp phúc thẩm xử lý như thế nào. NCS cho rằng HĐXX phúc thẩm cần hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

BLTTDS chưa quy định trường hợp Tòa án sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự thì Tòa án phúc thẩm quyết định gì đối với phần vượt quá. NCS cho rằng HĐXX phúc thẩm cần hủy phần quyết định vượt quá yêu cầu khởi kiện trong bản án sơ thẩm và đình chỉ xét xử phúc thẩm phần vượt quá này.

### ***2.3.5. Quyền đình chỉ xét xử phúc thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm***

BLTTDS không quy định trường hợp kháng cáo, kháng nghị không hợp lệ thì HĐXX phúc thẩm ra quyết định gì. NCS cho rằng HĐXX phúc thẩm cần đình chỉ xét xử phúc thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

#### **\* Thực tiễn thực hiện quy định về xét xử phúc thẩm VADS:**

*Thứ nhất*, Tòa án cấp phúc thẩm phát hiện ra những sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm nên đã khắc phục sai lầm của Tòa án cấp sơ thẩm, bảo vệ được quyền và lợi ích của các đương sự.

Những sai sót chủ yếu của Tòa án cấp sơ thẩm dẫn đến bản án sơ thẩm bị HĐXX phúc thẩm hủy hoặc sửa: (i) Xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp dẫn đến việc áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án không chính xác; (ii) Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai người tham gia tố tụng hoặc bỏ sót người tham gia tố tụng, xác định sai thời hiệu khởi kiện, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng... (iii) Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự hoặc giải quyết không triệt để (iv) Tòa án cấp sơ thẩm xây dựng hồ sơ vụ án không đầy đủ, đánh giá chứng cứ thiếu khách quan, toàn diện dẫn đến quyết định giải quyết vụ án không đúng; sử dụng những tài liệu là bản dịch, bản photo làm chứng cứ khi những tài liệu đó không được chứng thực hợp lệ theo quy định của pháp luật, quyết định của HĐXX không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; (v) xét xử vắng mặt đương sự khi việc triệu tập đương sự chưa hợp lệ; (vi) Tòa án cấp sơ thẩm xác định án phí không đúng.

*Thứ hai*, Tòa án cấp phúc thẩm có sai sót, vướng mắc trong xét xử phúc thẩm VADS như: HĐXX phúc thẩm ra các phán quyết khác nhau khi phát hiện Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự. HĐXX phúc thẩm nhận định, đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, thiếu căn cứ dẫn đến ra phán quyết không phù hợp với quy định của pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm không phát hiện ra các sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm (đưa thiếu người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ...) dẫn đến HĐXX phúc thẩm ra phán quyết không có căn cứ.

### CHƯƠNG 3

## YÊU CẦU VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TTDS VIỆT NAM VỀ XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ

Chương 3 của luận án trình bày các yêu cầu cần thiết và đề xuất các kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật TTDS Việt Nam, đặc biệt là các quy định liên quan đến xét xử phúc thẩm VADS.

### **3.1. Yêu cầu về hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự**

Dựa trên cơ sở khoa học, điều kiện kinh tế-xã hội Việt Nam, và xu thế phát triển pháp luật TTDS trên thế giới, việc hoàn thiện pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS phải đáp ứng 5 yêu cầu chính:

#### ***3.1.1. Phải đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN trong kỷ nguyên mới***

Pháp luật về xét xử phúc thẩm VADS phải dựa trên nền tảng là Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 66-NQ/TW, cần phải rõ ràng, cụ thể, minh bạch, thống nhất với các văn bản pháp luật khác và đảm bảo Tòa án xét xử độc lập. Các yêu cầu cụ thể bao gồm:

- Đảm bảo xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, minh bạch, thống nhất và nhất quán.
- Rà soát, khắc phục tình trạng các quy định bị hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau, đảm bảo áp dụng thống nhất.
- Cần có quy định điều chỉnh ngay các vấn đề phát sinh trong thực tiễn như rút yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập ở phúc thẩm, điều kiện cung cấp chứng cứ mới, các trường hợp luật cấm đương sự thỏa thuận trong quá trình xét xử phúc thẩm...
- Cần sớm đánh giá kết quả thực hiện thí điểm, nghiên cứu đưa vào BLTTDS việc Viện kiểm sát khởi kiện VADS để bảo vệ quyền dân sự của nhóm dễ bị tổn thương hoặc lợi ích công theo Nghị quyết 205/2025/QH15 của Quốc hội.

#### ***3.1.2. Đảm bảo khắc phục được hạn chế, bất cập trong quy định của pháp luật tố tụng dân sự hiện hành về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự để đảm bảo tính minh bạch, thống nhất, đồng bộ***

Đảm bảo khắc phục được những tồn tại, hạn chế như xác định phần bản án sơ thẩm có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm; việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm không được vượt quá phạm vi kháng cáo, kháng nghị ban đầu; rút kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm và thoả thuận của các đương sự ở tại phiên toà phúc thẩm có bị giới hạn bởi phạm vi xét xử phúc thẩm không; thoả thuận “*trái pháp luật*” có được hiểu là “*vi phạm điều cấm của luật*” không; thế nào là “*vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự*”... Quy định thống nhất về trách nhiệm thu thập chứng cứ của Tòa án.

### ***3.1.3. Đảm bảo tính khả thi, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và hiệu quả hoạt động xét xử phúc thẩm vụ án dân sự***

Pháp luật TTDS về xét xử phúc thẩm VADS phải xuất phát, bám sát thực tiễn. Do đó, việc hoàn thiện pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS phải giải quyết được những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn xét xử phúc thẩm VADS. Có như vậy, việc xét xử phúc thẩm VADS mới hiệu quả, đảm bảo các bản án, quyết định có hiệu lực trước khi đưa ra thi hành là những bản án, quyết định hợp tình, hợp lý, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

### ***3.1.4. Đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự***

Quá trình hoàn thiện pháp luật TTDS nhằm bảo đảm quyền dân sự của con người thể hiện ở những nội dung sau đây: (i) Tăng cường cơ chế đảm bảo thực thi các quyền về dân sự; (ii) Xác định mục tiêu, nhiệm vụ của Tòa án, hệ thống tư pháp là bảo vệ quyền con người, quyền công dân; (iii) Cụ thể hóa Hiến pháp về các nguyên tắc tổ chức hệ thống tư pháp và thủ tục TTDS; (iv) Đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa pháp luật về nội dung và pháp luật về hình thức thủ tục; giữa thiết chế tổ chức tư pháp với thủ tục tố tụng; (v) Thay đổi một cách toàn diện mô hình tố tụng, tăng cường thủ tục tranh tụng trên cơ sở đề cao vai trò quyết định và tự định đoạt của đương sự; (vi) Khẳng định vai trò độc lập của Tòa án và vị trí của các chủ thể trong TTDS; xác định trách nhiệm của Tòa án, đại diện cho quyền lực tư pháp chịu sự giám sát của nhân dân; (vii) Tăng cường các biện pháp đảm bảo hiệu quả của quyền lực tư pháp trong việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân thông qua thủ tục TTDS bằng việc bổ sung các hình thức thủ tục tố tụng đối với một số vụ việc cụ thể, bổ sung thủ tục rút gọn...; (viii) hài hòa và tương thích với pháp luật quốc tế trong việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân; thúc đẩy quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế.

### ***3.1.5. Đáp ứng các yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và tương thích với pháp luật của các nước trên thế giới nhưng phù hợp điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam***

Tiếp thu quy định của pháp luật TTDS của các nước trên thế giới về việc Tòa án không thu thập chứng cứ mà chỉ hỗ trợ đương sự trong việc yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp chứng cứ là nhằm bảo đảm việc giải quyết vụ án một cách chính xác, khách quan, công bằng. Việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ rồi lại đánh giá chứng cứ đó thì có thể dẫn đến việc không đảm bảo tính khách quan khi giải quyết vụ việc. Quy định “Tòa án không có trách nhiệm thu thập chứng cứ mà nghĩa vụ đó thuộc về các đương sự” là cần thiết, tiệm cận với quy định trong pháp luật TTDS của nhiều quốc gia có hệ thống pháp luật phát triển cao. Tuy nhiên, khi tiếp thu quy định này thì phải cân nhắc về việc đương sự có đủ khả năng tự mình thu thập chứng cứ hay không.

## **3.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về xét xử phúc thẩm vụ án dân sự**

### ***3.2.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt nam về phạm vi xét xử phúc thẩm vụ án dân sự***

Quy định bổ sung trường hợp được coi là “có liên quan đến KCKN” bao gồm: (i) giải quyết kháng cáo, kháng nghị đối với phần này của bản án, quyết định sơ thẩm đòi hỏi phải xem xét, giải quyết đồng thời phần khác của bản án, quyết định sơ thẩm đó mặc dù phần này không bị kháng cáo, kháng nghị; (ii) HĐXX phúc thẩm VADS có quyền xem xét phần quyết định của bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nếu phần quyết định đó vi phạm pháp luật về thủ tục tố tụng”.

### ***3.2.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt nam về phiên toà xét xử phúc thẩm vụ án dân sự***

#### ***3.2.2.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về những quy định chung về phiên toà phúc thẩm vụ án dân sự***

Trách nhiệm chứng minh là của đương sự nhưng đối với những đương sự không có khả năng thu thập chứng cứ và có yêu cầu thì Tòa án hỗ trợ. NCS đề xuất sửa đổi BLTTDS theo hướng: trách nhiệm thu thập chứng cứ là của đương sự, trường hợp đương sự không có khả năng thu thập chứng cứ và có yêu cầu thì Tòa án hỗ trợ, tiến tới quy định Tòa án không thu thập chứng cứ.

- Về người tham gia phiên toà: Đề xuất sửa đổi Điều 294, 296 BLTTDS bổ sung người đại diện hợp pháp của đương sự tham gia/vắng mặt tại phiên toà.

- Về hoãn phiên toà phúc thẩm VADS: Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 296 BLTTDS.

- Về tạm ngừng phiên toà phúc thẩm VADS: Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về thông báo quyết định tạm ngừng phiên toà phúc thẩm; bổ sung quy định về hậu quả pháp lý sau khi có quyết định tạm ngừng phiên toà; đề xuất thống nhất hướng giải quyết khi người kháng cáo, người không kháng cáo vắng mặt không có lý do chính đáng khi phiên toà được mở lại sau khi đã tạm ngừng phiên toà phúc thẩm;

### *3.2.2.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về thủ tục phiên toà phúc thẩm vụ án dân sự*

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung các quy định về việc rút yêu cầu tại phiên toà phúc thẩm VADS. Thứ hai, cần có hướng dẫn cụ thể về rút, thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị. Thứ ba, cần có hướng dẫn cụ thể về việc thoả thuận của đương sự tại phiên toà phúc thẩm VADS; sửa đổi, bổ sung Điều 300 BLTTDS. Thứ tư, sửa đổi quy định về xuất trình, bổ sung chứng cứ tại phiên toà phúc thẩm; sửa đổi, bổ sung quy định về sự tham gia của VKS tại phiên toà phúc thẩm; sửa đổi, bổ sung quy định về thủ tục tranh tụng tại phiên toà phúc thẩm VADS.

#### **\* Về phiên toà trực tuyến:**

Thứ nhất, cần có quy định riêng về phiên toà xét xử VADS trực tuyến mà không gộp quy định chung về xét xử trực tuyến cả ba loại vụ án là VADS, vụ án hình sự và vụ án hành chính. Bởi vì, bản chất của ba loại vụ án này là khác nhau.

Thứ hai, cần sửa đổi, bổ sung các quy định về phạm vi các VADS được xét xử trực tuyến và vụ án không được xét xử trực tuyến.

Thứ ba, cần quy định những nguyên tắc đặc thù cho xét xử trực tuyến, đó là: nguyên tắc đảm bảo sự tự nguyện của các đương sự trong việc lựa chọn phương thức xét xử trực tiếp hay trực tuyến; đảm bảo an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân; bảo đảm tính hiệu quả và thuận tiện cho đương sự; chi phí tố tụng không cao hơn tố tụng trực tiếp.

Thứ tư, cần quy định những trường hợp chuyển từ xét xử trực tuyến sang trực tiếp để đảm bảo an toàn pháp lý cho tất cả các bên đương sự cũng như đảm bảo bản án được tuyên chính xác, có căn cứ và hợp pháp.

### ***3.2.3. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự Việt nam về quyền hạn của hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án dân sự***

Thứ nhất, bổ sung căn cứ giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Thứ hai, về sửa bản án sơ thẩm: Cần có hướng dẫn cụ thể về Khoản 1 Điều 309 BLTTDS 2015, áp dụng khi Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót trong việc áp dụng pháp luật nội dung hoặc sai sót trong việc áp dụng pháp luật tố tụng nhưng chưa đến mức nghiêm trọng. Sửa đổi khoản 2 Điều 309 BLTTDS năm 2015 theo hướng: Tòa án cấp sơ thẩm có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật nội dung.

Thứ ba, hủy một phần hoặc bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm: đề xuất bổ sung hướng dẫn cụ thể thế nào là “vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự”.

Thứ tư, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án: đề xuất bổ sung quy định HĐXX phúc thẩm có quyền hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết một phần vụ án nếu phát hiện Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự.

Thứ năm, đình chỉ xét xử phúc thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm: đề xuất bổ sung trường hợp đình chỉ xét xử phúc thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm do kháng cáo, kháng nghị không hợp lệ.



## KẾT LUẬN

1. Xét xử phúc thẩm VADS là cấp xét xử thứ hai nhằm đảm bảo bản án, quyết định trước khi đưa ra thi hành trên thực tế là bản án, quyết định đúng đắn, chính xác, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Xét xử phúc thẩm VADS có những dấu hiệu để phân biệt xét xử sơ thẩm, xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm dân sự. Đó là, chủ thể có thẩm quyền xét xử phúc thẩm VADS chỉ gồm những thẩm phán là những người có trình độ chuyên môn cao và thành thạo kỹ năng xét xử; Xét xử phúc thẩm VADS được thực hiện công khai với sự tham gia của các chủ thể kháng cáo, kháng nghị, những người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm; Khi tiến hành xét xử phúc thẩm VADS, HĐXX ra phán quyết để sửa chữa, khắc phục những sai sót trong bản án sơ thẩm. Ngoài ra, Xét xử phúc thẩm VADS có những khác biệt so với xét xử phúc thẩm vụ án hình sự về đối tượng xét xử, phạm vi xét xử phúc thẩm, vai trò của VKS khi xét xử phúc thẩm, Về việc xem xét chứng cứ mới khi xét xử phúc thẩm, về phiên toà phúc thẩm và về quyền tự định đoạt của đương sự. Xét xử phúc thẩm VADS có những khác biệt so với xét xử phúc thẩm vụ án hành chính về đối tượng xét xử.

3. BLTTDS năm 2015 đã có quy định cụ thể và tương đối đầy đủ về xét xử phúc thẩm VADS. Sau nhiều lần sửa đổi, bổ sung vào các năm 2019, 2020, 2024 và 2025 thì các quy định về xét xử phúc thẩm ngày càng được hoàn thiện hơn. Vì vậy, trong Chương 2, NCS tập trung phân tích đánh giá, bình luận các quy định của BLTTDS năm 2015 và các văn bản pháp luật quy định về xét xử phúc thẩm VADS, trong đó tập trung vào các quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm VADS, phiên toà phúc thẩm VADS và quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS. Qua việc phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS, NCS đã chỉ ra các hạn chế, vướng mắc trong các quy định này về phạm vi xét xử phúc thẩm VADS, phiên toà phúc thẩm VADS và quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS. Có những quy định chưa rõ ràng dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau và không có sự thống nhất khi Toà án áp dụng giải quyết. Có những vấn đề chưa được quy định hoặc quy định chưa hợp lý, chưa phù hợp với lý luận về xét xử phúc thẩm VADS cũng như thực tiễn xét xử phúc thẩm VADS.

4. Thực tiễn thực hiện xét xử phúc thẩm VADS còn nhiều vướng mắc, bất cập dẫn đến những sai sót, vi phạm pháp luật trong quá trình xét xử phúc thẩm VADS. Những sai sót, vi phạm pháp luật của Toà án cấp phúc thẩm xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan và khách quan.

5. Hoàn thiện pháp luật TTDS Việt nam về xét xử phúc thẩm VADS là một nhu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN; khắc phục được hạn chế, bất cập trong quy định của pháp luật TTDS hiện hành để đảm bảo tính minh bạch, thống nhất, đồng bộ; đảm bảo tính khả thi, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và hiệu quả hoạt động xét xử phúc thẩm VADS; đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự; đáp ứng các yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, tương thích với pháp luật của các nước trên thế giới nhưng phù hợp điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam.

6. Pháp luật TTDS Việt Nam về xét xử phúc thẩm VADS cần phải được hoàn thiện hơn nữa về phạm vi xét xử phúc thẩm, về những quy định chung tiến hành phiên toà phúc thẩm VADS, về hoãn, tạm ngừng phiên toà phúc thẩm VADS, về thủ tục tiến hành phiên toà phúc thẩm VADS và về quyền hạn của HĐXX phúc thẩm VADS./.